

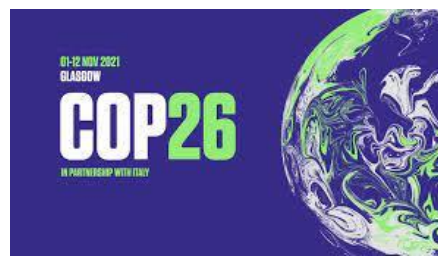
CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH Ở VIỆT NAM HƯỚNG TỚI PHÁT THẢI RÒNG BẰNG “0”



NỘI DUNG

- CAM KẾT CỦA VIỆT NAM TẠI UNFCCC COP26
- LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020
 - Nghị định 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn
 - Quyết định 01/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính
 - Thông tư 01/2022/TT-BTNMT hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
 - Thông tư 17/2022/TT-BTNMT quy định kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực quản lý chất thải





Cam kết Đạt mức Phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050

“...Việt Nam là một nước có lợi thế về năng lượng tái tạo, sẽ xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính mạnh mẽ bằng nguồn lực của mình, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, nhất là các nước phát triển, cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris, để đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.”

- Trích phát biểu của Thủ tướng Phạm Minh Chính tại COP26



Vào năm 2020, Việt Nam cam kết đến năm 2030 cắt giảm 9% phát thải KNK, và sẽ đạt 27% với hỗ trợ quốc tế. Cam kết này sẽ cần được cập nhật vào năm 2022 để phù hợp với tham vọng đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050

TUYÊN BỐ TOÀN CẦU VỀ VIỆC CHUYỂN TỪ THAN SANG NĂNG LƯỢNG SẠCH

Sản xuất điện bằng than – nguyên nhân lớn nhất khiến nhiệt độ toàn cầu tăng lên.

Nhanh chóng mở rộng quy mô triển khai **PHÁT TRIỂN ĐIỆN SẠCH**

CHUYỂN DỊCH KHỎI THAN

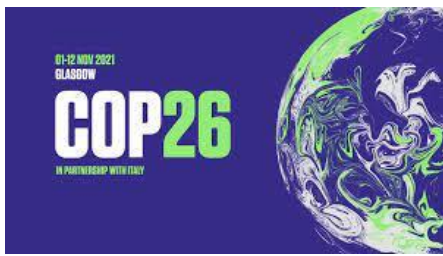
vào những năm 2030-2040 (hoặc càng sớm càng tốt sau đó)

THAN:

Không cấp giấy phép mới
Không xây dựng công trình mới
Không hỗ trợ trực tiếp

Có hỗ trợ tài chính, kỹ thuật

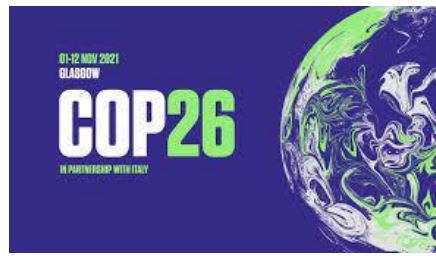
46 Quốc gia
5 Thành phố/Bang
26 tổ chức
ủng hộ



CAM KẾT GIẢM PHÁT THẢI KHÍ MÊ-TAN TOÀN CẦU

Hơn 100 quốc gia thông qua

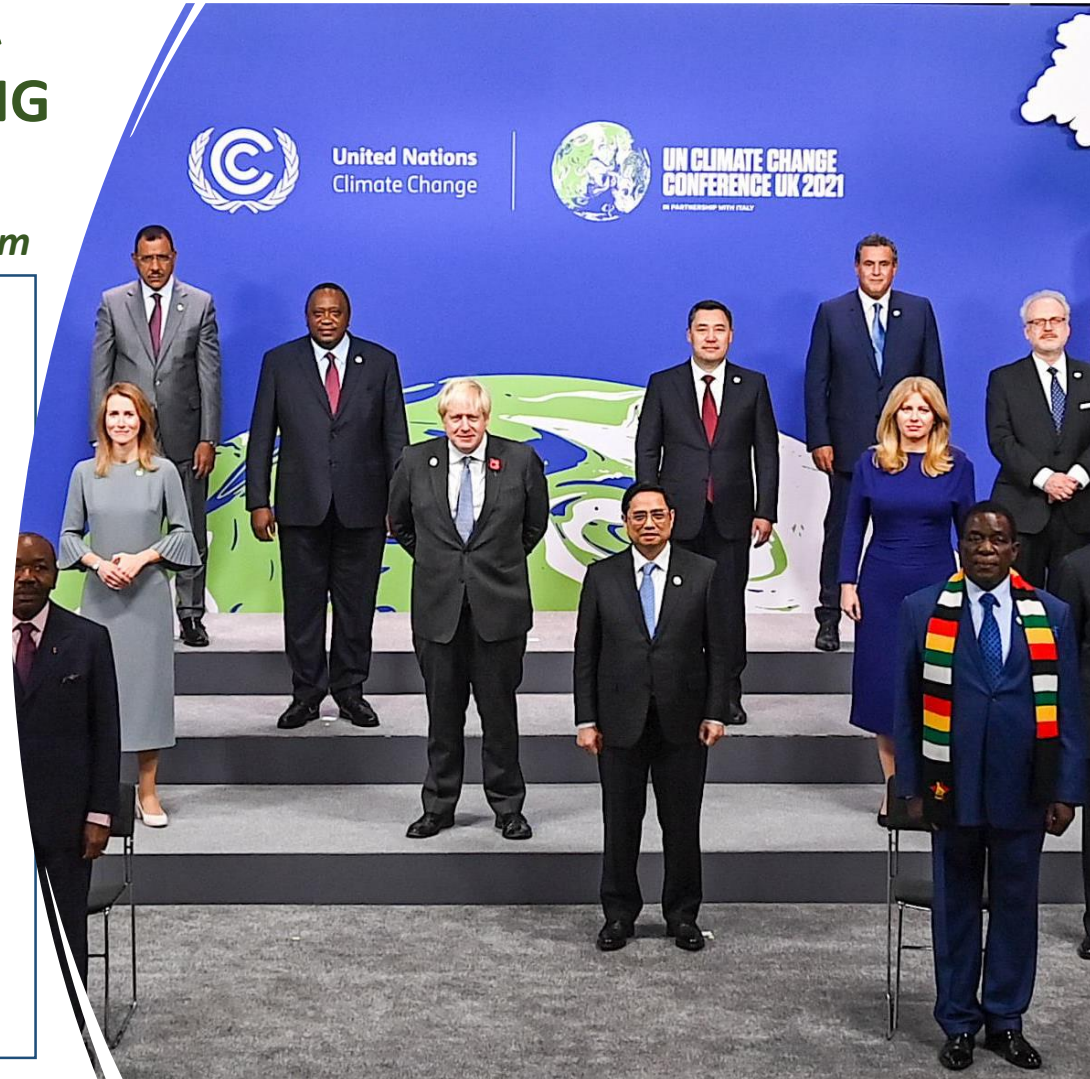
- Cam kết hợp tác để giảm thiểu phát thải khí mê-tan trên toàn cầu trong tất cả các lĩnh vực xuống ít nhất 30% của mức năm 2020 vào năm 2030.
- Tìm cách giảm thiểu phát thải nông nghiệp thông qua đổi mới công nghệ, khuyến khích và thành lập quan hệ đối tác với nông dân.
- Liên tục nâng cao tính chính xác, minh bạch, nhất quán và đầy đủ của việc báo cáo kiểm kê khí nhà kính quốc gia cho Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu.
- Ngành lúa và ngành hàng không đứng đầu về về lượng khí thải nhà kính (2,5%), tuy nhiên ngành nông nghiệp tạo ra 12% khí mê-tan toàn cầu do quá trình phân hủy kỵ khí.



TUYÊN BỐ GLASGOW CỦA CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO VỀ RỪNG VÀ SỬ DỤNG ĐẤT

141 quốc gia thông qua, bao gồm Việt Nam

- Bảo tồn, đẩy nhanh quá trình phục hồi rừng và các hệ sinh thái trên cạn khác
- Sản xuất hàng hóa bền vững, không làm mất rừng và thoái hóa đất
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều chỉnh các dòng tài chính quốc tế, góp phần đảo ngược tình trạng mất và suy thoái rừng
- 90,94% diện tích rừng hiện được bao phủ bởi các quốc gia ủng hộ cam kết.
- Chính phủ Việt Nam có kế hoạch trồng một tỷ cây xanh vào năm 2025. 690 triệu cây tại các khu vực thành thị/nông thôn và 310 triệu cây trong các khu rừng được bảo vệ.



CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

**LUẬT BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG 2020**

Nghị định 06/2022/NĐ-CP

Quyết định 01/2022/QĐ-
TTg

Thông tư 01/2022/TT-
BTNMT

Thông tư 17/2022/TT-
BNTMT

VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Cam kết net-zero COP26 (2021)

Quyết định 888/QĐ-TTg Đề án nhiệm vụ,
giải pháp thực hiện kết quả COP26 (2022)

Quyết định 896/QĐ-TTg Chiến lược quốc
gia về BĐKH giai đoạn đến năm 2050
(2022)

Quyết định 942/QĐ-TTg Kế hoạch hành
động giảm phát thải khí mê tan đến 2030
(2022)

LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020

CHƯƠNG VII. ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Điều 91. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Nội dung chính bao gồm:

- a) Tổ chức thực hiện hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và hấp thụ khí nhà kính theo **lộ trình, phương thức** giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện của đất nước và cam kết quốc tế;
- b) **Kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định** giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành, lĩnh vực và cấp cơ sở có liên quan;
- c) **Kiểm tra việc tuân thủ** quy định về kiểm kê khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, việc thực hiện cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;
- d) Xây dựng và triển khai **cơ chế, phương thức hợp tác** về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
- đ) Tổ chức và phát triển **thị trường các-bon** trong nước.



LUẬT

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

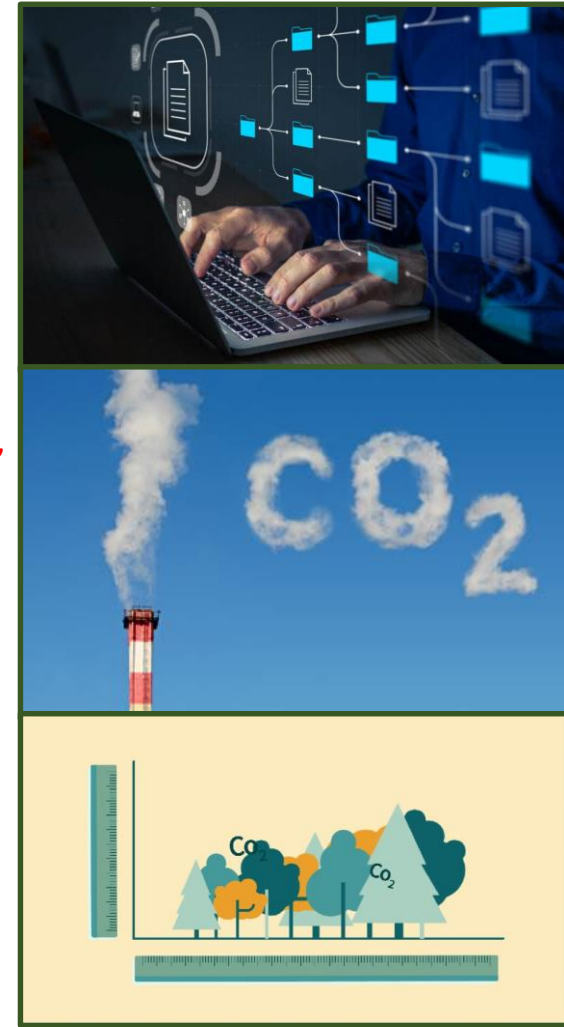
(Được thông qua ngày 17/11/2020)



NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

Vai trò, trách nhiệm của địa phương và cơ sở

- UBND cấp tỉnh có trách nhiệm **cung cấp thông tin, số liệu phục vụ KKKNK** gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ liên quan; kiểm tra việc thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý. **(Khoản 6 Điều 91)**
- Trách nhiệm của các cơ sở thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính **(Khoản 7 Điều 91)**
 - a) Tổ chức thực hiện **KKKNK, xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu** phát thải khí nhà kính và gửi kết quả kiểm kê khí nhà kính định kỳ 02 năm một lần đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 01 tháng 12 của kỳ báo cáo;
 - b) Xây dựng, thực hiện **kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính** hằng năm; thực hiện lồng ghép hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính với chương trình quản lý chất lượng, chương trình sản xuất sạch hơn, chương trình bảo vệ môi trường của cơ sở;
 - c) Hằng năm, **lập báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính** theo hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trước ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo.





Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

- **Chương I. Quy định chung**
- **Chương II. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, Tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước**
 - Mục 1. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
 - Mục 2. Tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước
- **Chương III. Bảo vệ tầng ô-dôn**
- **Chương IV. Các biện pháp thúc đẩy hoạt động về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn**
- **Chương XIV. Điều khoản thi hành**
- **Phụ lục**

Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

Về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, quy định:

- **Đối tượng** thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (Điều 5);
- **Mục tiêu, lộ trình và phương thức** giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (Điều 7);
- **Đo đạc, báo cáo, thẩm định** giảm nhẹ phát thải (Điều 9, 10);
- **Kiểm kê khí nhà kính** (Điều 11);
- **Hạn ngạch phát thải KNK** (Điều 12);
- **Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính** và kết quả giảm nhẹ phát thải (Điều 13);
- **Đơn vị thẩm định** kết quả giảm phát thải (Điều 14)
- Trách nhiệm **kiểm tra, giám sát** hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK (Điều 15).



Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

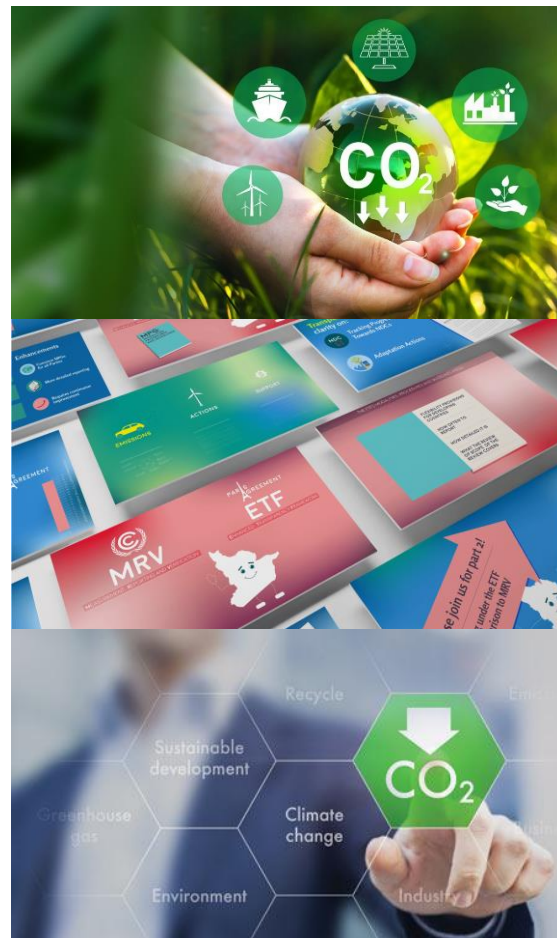
Mục tiêu, lộ trình và phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (Điều 7)

- Mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính **được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong NDC**
- Lộ trình chia theo 02 giai đoạn: **từ nay đến hết năm 2025** và **từ năm 2026 đến hết năm 2030**;
- Giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030 sẽ thực hiện các biện pháp thực hiện giảm nhẹ phát thải theo kế hoạch;
- **Phương thức giảm nhẹ** phát thải khí nhà kính bao gồm:
 - i) các biện pháp chính sách, quản lý;
 - ii) chuyển đổi công nghệ, áp dụng quy trình sản xuất, sử dụng dịch vụ ít phát thải khí nhà kính;
 - iii) thực hiện các chương trình, dự án phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.



Đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) (Điều 10) Kiểm kê khí nhà kính (Điều 11)

- Quy định rõ nội dung thực hiện và trách nhiệm của các Bộ, lĩnh vực;
- Số liệu đo đạc, báo cáo, thẩm định và kiểm kê khí nhà kính được cập nhật vào cơ sở dữ liệu trực tuyến;
- Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính do các Bộ quản lý lĩnh vực tổ chức thực hiện.
- Thẩm định báo cáo quốc gia về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện trên cơ sở báo cáo của các Bộ quản lý lĩnh vực;
- Thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở do các đơn vị thẩm định đủ năng lực thực hiện.



Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

Khoản 1 Điều 6 của Nghị định quy định:

“Các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính là cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ **3.000 tấn CO₂** tương đương trở lên hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Nhà máy **nhiệt điện, cơ sở sản xuất công nghiệp** có tổng lượng tiêu thụ năng lượng hằng năm từ 1.000 tấn dầu tương đương (TOE) trở lên;
- b) Công ty kinh doanh **vận tải hàng hóa** có tổng tiêu thụ nhiên liệu hằng năm từ 1.000 TOE trở lên;
- c) **Tòa nhà thương mại** có tổng tiêu thụ năng lượng hằng năm từ 1.000 TOE trở lên;
- d) **Cơ sở xử lý chất thải rắn** có công suất hoạt động hằng năm từ 65.000 tấn trở lên.”



Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg Danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính



- Quy định đối tượng phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính: gồm **1.912 cơ sở**
 - **1.662** cơ sở thuộc phạm vi quản lý của **Bộ Công Thương** (Phụ lục 2),
 - **70** cơ sở thuộc phạm vi quản lý của **Bộ Giao thông vận tải** (Phụ lục 3),
 - **104** cơ sở thuộc phạm vi quản lý của **Bộ Xây dựng** (Phụ lục 4), và
 - **76** cơ sở thuộc phạm vi quản lý của **Bộ Tài nguyên và Môi trường** (Phụ lục 5).
- Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện **rà soát danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính** trong phạm vi quản lý trước ngày 31/12 hằng năm kể từ năm 2023, trình Thủ tướng Chính quyết định **cập nhật danh mục định kỳ hai năm một lần.**

Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

Vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đối với xây dựng và cập nhật danh mục lĩnh vực, cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính (**Khoản 3 Điều 6**):

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc có liên quan **định kỳ hai năm một lần**:

- a) Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, **rà soát số liệu tiêu thụ năng lượng, công suất, quy mô của cơ sở thuộc danh mục** lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính của năm trước năm rà soát;
- b) **Cập nhật, điều chỉnh danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn** theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ quản lý lĩnh vực liên quan trước ngày 30 tháng 6 kể từ năm 2023.

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các quy định về hấp thụ khí nhà kính (**Khoản 3 Điều 8**)



Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

Vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đối với vận hành Hệ thống quốc gia MRV giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (**Khoản 5 Điều 9**):

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc có liên quan:

a) **Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính** và tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này trên địa bàn quản lý;

b) **Cung cấp thông tin, số liệu liên quan** phục vụ đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ khí nhà kính cấp quốc gia, lĩnh vực theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

Đối với kiểm kê khí nhà kính (**Khoản 6 Điều 11**):

Cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở cho năm 2024 trở đi theo quy trình thẩm định Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.



Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn



Vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đối với xây dựng và thực hiện Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (Khoản 7 Điều 13):

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc có liên quan:

- **Cung cấp số liệu cho các Bộ xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính** cấp lĩnh vực, tham gia thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực và theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở quy định trên địa bàn quản lý.
- **Kiểm tra, giám sát hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở** quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này trên địa bàn quản lý (**khoản 3 Điều 15**)

Vai trò, trách nhiệm của các cơ sở:

Đối với mục tiêu, lộ trình và phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (Khoản 4 Điều 7):

- Cung cấp thông tin, số liệu** hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, xây dựng và thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện cụ thể của cơ sở;
- Giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030, thực hiện **kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính** theo hạn ngạch do Bộ Tài nguyên và Môi trường phân bổ phù hợp với mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; *được phép trao đổi, mua bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon.*

Đối với vận hành Hệ thống quốc gia đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (Khoản 6 Điều 9):

Tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; cung cấp bổ sung thông tin, số liệu hoạt động phục vụ đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ khí nhà kính cấp quốc gia, lĩnh vực theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ quản lý lĩnh vực.



Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

Vai trò, trách nhiệm của các cơ sở

Đối với hoạt động đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:

Đo đạc kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở theo hướng dẫn của các bộ quản lý lĩnh vực (điểm a Khoản 2 Điều 10);

Xây dựng báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hằng năm của năm trước kỳ báo cáo theo Mẫu số 02 Phụ lục III, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ liên quan và cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp tỉnh có liên quan trước ngày 31 tháng 3 kể từ năm 2027 (điểm a Khoản 3 Điều 10).

Đối với Kiểm kê khí nhà kính (Khoản 6 Điều 11):

a) ***Cung cấp số liệu hoạt động, thông tin*** liên quan phục vụ kiểm kê khí nhà kính của cơ sở của năm trước kỳ báo cáo theo hướng dẫn của bộ quản lý lĩnh vực trước ngày 31 tháng 3 kể từ năm 2023;

b) ***Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở***, xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hai năm một lần cho năm 2024 trở đi theo Mẫu số 06 Phụ lục II gửi UBND cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 3 kể từ năm 2025 để thẩm định;

c) ***Hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở***, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 01 tháng 12 của kỳ báo cáo bắt đầu từ năm 2025.

Vai trò, trách nhiệm của các cơ sở

Đối với Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:

- Xây dựng, **thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính** của cơ sở giai đoạn từ năm 2023 đến hết năm 2025 **phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh của cơ sở** (điểm a Khoản 4 Điều 13);
- **Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (nội dung quy định tại khoản 5 Điều 13) giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030**, điều chỉnh, cập nhật hằng năm (nếu có) gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ quản lý lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 12 năm 2025 (điểm b Khoản 4 Điều 13).
- **Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở khi có thay đổi** quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc theo nhu cầu của chủ cơ sở (điểm b Khoản 6 Điều 13).





NDC cập nhật 2022

- So với NDC năm 2020, NDC cập nhật 2022 đã tăng mức đóng góp giảm phát thải **không điều kiện đến năm 2030 từ 9% lên 15,8%**; và đóng góp **có điều kiện từ 27% lên 43,5%** (so với kịch bản phát triển thông thường BAU).
- **Đóng góp không điều kiện (Unconditional Contribution)**: ngân sách Nhà nước, vốn vay, đầu tư của doanh nghiệp trong và ngoài nước, đóng góp và đầu tư của người dân.
- **Đóng góp có điều kiện (Conditional Contribution)** là nỗ lực giảm phát thải của quốc gia khi được quốc tế cung cấp thêm tài chính một cách thích hợp và đầy đủ thông qua các khoản viện trợ không hoàn lại, phần ưu đãi trong vốn vay, các nguồn tài chính, công nghệ và tăng cường năng lực theo các cơ chế hợp tác quốc tế song phương và đa phương, đặc biệt là trong khuôn khổ Công ước khung của Liên Hợp Quốc về [Biến đổi khí hậu](#) (UNFCCC) và Thỏa thuận Paris.

CÁC BIỆN PHÁP GIẢM PHÁT THẢI KHUYẾN NGHỊ

Về nhu cầu sử dụng năng lượng

NDC cập nhật 2022

E1. Sử dụng điều hòa nhiệt độ hiệu suất cao hộ gia đình	E2. Sử dụng tủ lạnh hiệu suất cao
E3. Sử dụng đèn thấp sáng tiết kiệm điện	E4. Sử dụng thiết bị đun nước nóng mặt trời
E5. Sử dụng khí sinh học thay than cho đun nấu gia đình ở nông thôn	E6. Sử dụng nhiên liệu sạch hơn cho đun nấu ở nông thôn
E7. Tối ưu hóa chu trình đốt clinke	E8. Giảm tổn thất nhiệt lò nung clinke
E9. Thu hồi nhiệt thải từ sản xuất xi măng	E10. Sử dụng máy nghiền đứng để nghiền phối liệu trong sản xuất xi măng
E11. Áp dụng công nghệ cải tiến trong sản xuất gạch nung	E12. Nung nóng sơ bộ thép phế liệu trước khi đưa vào lò điện hồ quang (EAF)
E13. Gia nhiệt trong máy cán thép	E14. Thu hồi nhiệt khí từ lò thổi Oxy (BOF)
E15. Phun than antracit bột phun vào lò cao	E16. Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các phân ngành công nghiệp (trừ 03 phân ngành sản xuất gạch, xi măng và sắt thép)
E17. Giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu đối với xe cơ giới sản xuất lắp ráp và nhập khẩu mới	E18. Chuyển đổi phương thức vận tải hành khách từ sử dụng phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng
E19. Chuyển đổi phương thức vận tải từ đường bộ sang đường sắt	E20. Chuyển đổi phương thức vận tải từ đường bộ sang đường thủy nội địa và đường ven biển
E21. Sử dụng xe buýt CNG	E22. Tăng hệ số tải của ô tô tải
E23. Sử dụng nhiên liệu sinh học	E24. Sử dụng xe ô tô điện
E25. Sử dụng xe máy điện	E26. Sử dụng xe buýt điện
E27. Sử dụng các thiết bị điện hiệu suất cao trong dịch vụ, thương mại bao gồm làm mát và làm lạnh	

CÁC BIỆN PHÁP GIẢM PHÁT THẢI KHUYẾN NGHỊ

NDC cập nhật 2022

Về cung cấp năng lượng

E28. Phát triển thủy điện nhỏ	E29. Phát triển điện mặt trời tập trung
E30. Phát triển điện mặt trời mái nhà	E31. Phát triển điện gió trên bờ
E32. Phát triển điện gió ngoài khơi	E33. Phát triển nhiệt điện sinh khối
E34. Phát triển điện rác - thiêu đốt	E35. Phát triển điện rác - chôn lấp
E36. Phát triển điện khí sinh học	E37. Phát triển tua-bin khí hỗn hợp sử dụng LNG
E38. Phát triển công nghệ nhiệt điện trên siêu tới hạn	

NÔNG NGHIỆP

Phương án
A1. Tưới khô ướn xen kẽ và SRI ở những vùng có CSHT đầy đủ
A2. Rút nước giữa vụ
A3. Chuyển Lúa thành Lúa – tằm
A4. Chuyển đất lúa thành đất cây trồng cạn
A5. Quản lý cây trồng tổng hợp cho lúa
A6. Quản lý cây trồng tổng hợp cho cây trồng cạn
A7.1s. Cải thiện chất lượng khẩu phần ăn cho bò sữa
A7.2s. Cải thiện chất lượng khẩu phần ăn cho bò thịt
A7.3s. Cải thiện chất lượng khẩu phần ăn cho trâu
A8s. Tái sử dụng phế phẩm nông nghiệp
A9s. Thay thế phân UREA bằng phân đạm a môn, chậm tan, tan có điều khiển
A10.1s. Tưới khô ướn xen kẽ và SRI ở những vùng có CSHT trung bình
A10.2s. Tưới khô ướn xen kẽ và SRI ở những vùng có CSHT kém
A11s. Tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân cho cà phê
A12s. Tái sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón hữu cơ
A13s. Chương trình khí sinh học
A14s. Bón phân hữu cơ và thực hành nông nghiệp hữu cơ

CÁC BIỆN PHÁP GIẢM PHÁT THẢI KHUYẾN NGHỊ

NDC cập nhật 2022

LULUCF

Biện pháp	Thời gian thực hiện
F1. Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có ở vùng đồi núi	2021 - 2030
F1s. Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có ở vùng đồi núi	2021 - 2030
F2. Bảo vệ rừng phòng hộ và đặc dụng ven biển	2021 - 2030
F2s. Bảo vệ rừng phòng hộ và đặc dụng ven biển	2021 - 2030
F3. Phục hồi rừng phòng hộ và rừng đặc dụng	2021 - 2030
F3s. Phục hồi rừng phòng hộ và rừng đặc dụng	2021 - 2030
F4. Nâng cao chất lượng và trữ lượng các-bon rừng tự nhiên nghèo	2021 - 2030
F4s. Nâng cao chất lượng và trữ lượng các-bon rừng tự nhiên nghèo	2021 - 2030
F5. Nâng cao năng suất và trữ lượng các-bon của rừng trồng gỗ lớn	2021 - 2030
F5s. Nâng cao năng suất và trữ lượng các-bon của rừng trồng gỗ lớn	2021 - 2030
F6. Nhân rộng các mô hình nông lâm kết hợp để nâng cao trữ lượng các-bon và bảo tồn đất	2021 - 2030
F6s. Nhân rộng các mô hình NLKH để nâng cao trữ lượng các-bon và bảo tồn đất	2021 - 2030
F7. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng	2021 - 2030
F7s. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng	2021 - 2030

CÁC BIỆN PHÁP GIẢM PHÁT THẢI KHUYẾN NGHỊ

NDC cập nhật 2022

QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Biện pháp	Thời gian thực hiện
W1. Giảm phát sinh CTR	2021-2030
W2. Tái chế CTR	2021-2030
W3. Sản xuất phân compost	2021-2030
W4. Giảm phát thải mê-tan từ bãi chôn lấp bằng cách đốt phát điện	2021-2030
W5. Sản xuất RDF	2021-2030
W7. Giảm phát thải mê-tan bằng thu hồi khí từ bãi chôn lấp	2021-2030
W1s. Xử lý kỵ khí có thu hồi mê-tan cho phát điện	2021-2030
W3s. Sản xuất phân compost	2021-2030
W4s. Giảm phát thải mê-tan từ bãi chôn lấp bằng cách đốt phát điện	2021-2030
W6s. Chôn lấp bán hiếu khí	2021-2030
W7s. Giảm phát thải mê-tan bằng thu hồi khí từ bãi chôn lấp	2021-2030
W8s. Tối ưu hóa điều kiện xử lý nước thải sinh hoạt	2021-2030
W9s. Ứng dụng công nghệ sinh học để loại bỏ CH ₄ từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt	2021-2030
W10s. Tối ưu hóa điều kiện xử lý nước thải công nghiệp	2021-2030
W11s. Thu hồi khí CH ₄ từ xử lý nước thải công nghiệp	2021-2030

CÁC BIỆN PHÁP GIẢM PHÁT THẢI KHUYẾN NGHỊ

NDC cập nhật 2022

CÁC QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP (IPPU)

Biện pháp	Thời gian thực hiện
I1. Sử dụng phụ gia khoáng thiên nhiên thay thế clinker (đá vôi, Puzolan)	2021-2030
I2. Sử dụng phụ gia là phế thải từ các ngành công nghiệp thay thế clinker (xỉ lò thổi, tro bay)	2021-2030
I3. Áp dụng công nghệ tốt nhất để giảm phát thải N ₂ O và NH ₃ trong sản xuất hóa chất và phân bón	2021-2030
I4s. Áp dụng công nghệ tốt nhất để giảm phát thải trong ngành thép (cải tiến công nghệ BOF)	2021-2030
I5s. Sử dụng môi chất lạnh thân thiện với khí hậu (chuyển đổi HCFC và HFC có GWP thấp trong lĩnh vực lạnh và ĐHKK, tăng cường thu hồi tái chế, tái sử dụng môi chất lạnh)	2021-2030

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!



*Dr Lương Quang Huy
Phòng Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và
bảo vệ tầng ô-dôn
Cục Biến đổi khí hậu
Bộ Tài nguyên và Môi trường*